

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Dự án, gói thầu

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong.
 - Chủ đầu tư: Sở Y tế Nghệ An.
 - Tên gói thầu: Gói thầu số 05: Tư vấn khảo sát địa chất, Thiết kế BVTC-dự toán.
 - Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
 - Nguồn vốn: Nguồn ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn miền Tây tỉnh Nghệ An: 90.000 triệu đồng (trong đó, giai đoạn 2021 -2025 là 37.800 triệu đồng).
 - Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
 - Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
 - Hình thức đầu tư: xây mới và cải tạo.
 - Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An.
 - Thời gian thực hiện: Không quá 04 năm kể từ ngày khởi công xây dựng.
 - Mục tiêu đầu tư:
 - + Nhà khám chữa bệnh và làm việc, cao 6 tầng, diện tích xây dựng 1.658.m2 tổng diện tích sàn 6.835,2m2.
 - + Nhà đại thể, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 110,6m2.
 - + Nhà khí y tế, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 37,6m2.
 - +Các công trình phụ trợ: Đường dây trung thế và Trạm biếp áp; Nhà bảo vệ; Hệ thống PCCC (Bể nước ngầm PCCC, trạm bơm); Công; Hàng rào; Cấp điện tổng thể; Cấp, thoát nước tổng thể.
 - + Các hạng mục cải tạo: Khu xử lý nước thải; Sân, đường nội bộ.
- * Các văn bản pháp lý:**
- Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của UBND huyện Quế Phong về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;
 - Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;
 - Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án;
 - Quyết định số 16/QĐ-SYT ngày 9/5/2025 của Sở Y tế về việc phê duyệt

nhiệm vụ và dự toán giai đoạn chuẩn bị dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Quyết định số 17/QĐ-SYT ngày 9/5/2025 của Sở Y tế phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Quyết định số 18/QĐ-SYT ngày 11/5/2025 của Sở Y tế Nghệ An về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu số 01: Tư vấn lập quy hoạch chi tiết 1/500 và khảo sát xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Quyết định số 20/QĐ-SYT ngày 11/5/2025 của Sở Y tế Nghệ An về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 03: Tư vấn lập BCNCKT dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Văn bản số 1597/SKH-CN-QLCN ngày 25/7/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An cho ý kiến về hệ thống xử lý nước thải của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Văn bản số 5934/SNNMT-BVMT ngày 25/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An cho ý kiến về hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Văn bản số 12/SYT-KHTC ngày 4/8/2025 của Sở Y tế Nghệ An về thông nhất đề xuất danh mục khí y tế của Trung tâm Y tế Quế Phong tại dự án đầu tư xây dựng TTYT huyện Quế Phong;

- Văn bản số 156/SCT-QLNL ngày 1/8/2025 của Sở Công thương Nghệ An về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Trung tâm Y tế huyện Quế Phong. Hạng mục Hệ thống cấp điện.

- Báo cáo số 06/BC-KQTT ngày 8/7/2025 của Công ty CP đầu tư xây dựng Cường Vinh về kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Thỏa thuận đấu nối và các yêu cầu kỹ thuật cơ bản giữa Điện lực Quỳnh Châu và Trung tâm Y tế huyện Quế Phong số 03/ĐLQC-TTĐN ngày 11/6/2025;

- Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Quyết định số 25/QĐ-SYT ngày 25/8/2025 của Giám đốc sở Y tế Nghệ An về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong;

- Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan khác.

2. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trung tâm Y tế huyện Quế Phong tại xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An.

3. Giải pháp thiết kế

3.1. Nhà khám chữa bệnh và làm việc

- *Kiến trúc:* Nhà cao 6 tầng, diện tích xây dựng 1.658m², tổng diện tích sàn 6.835,2m². Chiều cao nhà 26,85m (nền cao: 0,75m; tầng 1, 2 cao: 4,5m; tầng 3, 4, 5, 6 cao: 3,9m/tầng). Giao thông theo phương đứng bằng 3 cầu thang bộ và 3 cầu thang máy, theo phương ngang bằng hệ thống hành lang.

+ Tầng 1, diện tích xây dựng 1,658m², mặt bằng bố trí: Sảnh đón, khoa cấp cứu, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và khu khám bệnh.

+ Tầng 2, diện tích sàn 1.629,6m², mặt bằng bố trí: Khoa khám bệnh, phụ sản và gây mê hồi sức.

+ Tầng 3, diện tích sàn 1.224,5m², mặt bằng bố trí: khoa nội nhi và khu hành chính;

+ Tầng 4, diện tích sàn 1.018,8m², mặt bằng bố trí: khoa y tế dự phòng, y học cổ truyền và phục hồi chức năng;

+ Tầng 5, diện tích sàn 1.018,8m², mặt bằng bố trí: khoa ngoại, răng hàm mặt – tai mũi họng – mắt và khoa dược;

+ Tầng 6, diện tích sàn 285,5m², mặt bằng bố trí: kho thuốc và phòng kỹ thuật.

- *Kết cấu:* Nhà có kết cấu khung bê tông cốt thép (BTCT) chịu lực. Móng băng BTCT. Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Tường xây gạch VXM.

- *Hoàn thiện:* Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả matit, lăn sơn kết hợp ốp gạch hoàn thiện. Nền các tầng lát gạch. Khu vệ sinh nền lát gạch chống trơn, tường ốp gạch. Các phòng X quang, ốp lát bằng vật liệu chuyên dụng. Bậc cấp, bậc cầu thang ốp, lát đá Granit tự nhiên. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách bằng kính an toàn 2 lớp khung nhôm hệ.

- *Hệ thống kỹ thuật:*

+ Điện: Dây điện được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên kết hợp quạt, điều hoà.

+ Điện nhẹ: Hệ thống Internet, camera, điện thoại và hệ thống báo gọi y tá.

+ Hệ thống chống sét: Bằng hệ thống chống sét phát xạ sớm.

+ Hệ thống cấp, thoát nước: Ống cấp nước bằng ống nhựa chịu áp lực PPR, thoát nước bằng ống nhựa PVC. Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại, nước mưa từ mái được thu vào ống nhựa, sau đó cùng thoát ra hệ thống thoát nước chung.

+ Phòng cháy chữa cháy: Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy bằng họng chữa cháy vách tường; hệ thống bình bọt và tiêu lệnh PCCC; đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

+ Hệ thống khí y tế.

3.2. Nhà đại thể

- *Kiến trúc*: Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 110,6m². Chiều cao nhà 5,55m (nền cao 0,45m, tầng cao 3,6m, mái 1,5m). mặt bằng bố trí sảnh, phòng tang lễ, phòng khám nghiệm pháp y, phòng lạnh, khu vệ sinh chung.

- *Kết cấu*: Nhà có kết cấu khung bê tông cốt thép (BTCT) chịu lực. Móng đơn BTCT. Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Tường xây gạch VXM. Mái lợp tôn, xà gồ thép hình.

- *Hoàn thiện*: Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả matit, lăn sơn. Nền lát gạch, phòng vệ sinh nền lát gạch chống trơn, tường ốp gạch. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, bằng kính khung nhôm.

- *Hệ thống kỹ thuật*:

+ Điện: Dây điện được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên kết hợp quạt, điều hoà.

+ Hệ thống cấp, thoát nước: Ống cấp nước bằng ống nhựa chịu áp lực PPR, thoát nước bằng ống nhựa PVC. Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại, nước mưa từ mái được thu vào ống nhựa, sau đó cùng thoát ra hệ thống thoát nước chung.

3.2. Nhà khí y tế

Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 37,6m² và phần mái che phía sau lợp tôn, diện tích 17,5m². Chiều cao nhà 3,95m, nền cao 0,45m. Kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực. Móng đơn BTCT. Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Tường xây gạch VXM. Tường, cột, dầm, trần trát VXM, lăn sơn. Nền đổ bê tông. Hệ thống cửa đi bằng kính khung nhôm. Dây điện được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện; thoát nước bằng ống nhựa PVC.

3.3. Các công trình phụ trợ

3.3.1. Đường dây trung thế và Trạm biếp áp (Tổng hợp theo kết quả thẩm định của Sở Công thương tại Văn bản số 156/SCT-QLNL ngày 01/8/2025).

a. Đường dây trung thế:

Xây dựng mới tuyến đường dây trung thế trên không 35kV được đầu nối từ vị trí cột 06A NR TT YT Dự Phòng thuộc lộ ĐZ 381E15.12 cấp điện cho TBA 750kVA-35/0,4kV (xây dựng mới) cấp điện cho dự án có chiều dài khoảng 729m.

- Dây dẫn: Sử dụng dây dẫn AC-70/11, áp dụng theo tiêu chuẩn IEC60502, TCVN 5844 :1994, TCVN 5935 :2013.

- Tại vị trí cột đầu nối sử dụng cầu dao phụ tải 630A - 35kV đảm bảo tiêu chuẩn TCVN5768-1993; IEC 60298, IEC 60694.

- Cách điện và các phụ kiện: Cách điện đứng gồm áp dụng theo tiêu chuẩn

IEC 61109:2008, ANSI C29.13-2000, TCVN 7998:2009.

- Xà + Giá: Được chế tạo bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, khoảng cách Fa-Fa và Fa- Đất đảm bảo theo quy định hiện hành, kết cấu xà đảm bảo tính cơ lý đường dây.

- Cột điện: Dùng cột bê tông ly tâm sử dụng loại cột NPC.I-18-190-13, áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016, do nhà máy trong nước sản xuất và kết cấu đảm bảo tính cơ lý của đường dây.

- Móng cột: Sử dụng loại Bê tông cốt thép đổ tại chỗ đá 2x4 M150; Bê tông lót móng đá 4x6 M100, Bê tông chèn đá 1x2 M200. Kết cấu đảm bảo tính cơ lý đường dây; Chiều sâu chôn cột đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 5847

- Tiếp đất: Sử dụng tiếp địa cọc tia hỗn hợp, trị số điện trở R_{nd} đảm bảo an toàn theo quy định.

b. Trạm biến áp:

- Máy biến áp: Công suất 750kVA- 35/0,4 kV; đảm bảo các tiêu chuẩn sau IEC 60071; IEC 60076; IEC 60076-10; IEC 60137; IEC60296; IEC 60354; IEC 60437; IEC 60502; IEC 60551; IEC 60815; IEC 61238; IEC 137; ISO 2603; TCVN 8525 : 2010; TCVN 6306 -1 : 2006; TCVN 6306 -2 : 2006; TCVN 6306 - 3 : 2006; TCVN 6306 -5 : 2006.

- Trạm được thiết kế kiểu treo trên 02 cột BTLT có lắp đặt chống phụ đỡ dầm máy biến áp. Cột trạm dùng cột bê tông ly tâm sử dụng loại cột NPC.I-14-190-11, áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016, do nhà máy trong nước sản xuất và kết cấu đảm bảo tính cơ lý của đường dây.

- Hệ thống đo đếm TI, TU lắp đặt trên cột trạm.

- Móng cột: Sử dụng loại Bê tông cốt thép đổ tại chỗ đá 2x4 M150; Bê tông lót móng đá 4x6 M100, Bê tông chèn đá 1x2 M200. Kết cấu đảm bảo tính cơ lý đường dây; Chiều sâu chôn cột đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN

- Phía cao thế: Đóng cắt cho TBA và bảo vệ quá tải ngắn mạch dùng cầu dao 35kV, được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5767-1963, IEC 282-1, IEC 282-2, IEC 282-3; Bảo vệ quá điện áp khí quyển dùng chống sét van HES-42kV, được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN5717-1993, IEC99-4.

- Phía hạ thế: Sử dụng tủ điện hạ thế 500V-1250A có số lộ ra phù hợp với nhu cầu sử dụng được tính toán, vỏ tủ bằng tôn được bảo vệ bằng sơn tĩnh điện; tủ được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 6592-2:2000, IEC 947-2:1995.

- Cáp tổng hạ thế sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC có tiết diện phù hợp với công suất máy biến áp.

- Tiếp địa trạm: Sử dụng hệ thống nối đất cọc, tia hỗn hợp mạ kẽm nhúng nóng; trị số điện trở nối đất đảm bảo an toàn theo quy định.

3.3.2. Nhà bảo vệ

Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 14,6m². Chiều cao nhà 4,95m (nền cao 0,45m, tầng cao 3,3m, mái 1,2m). Kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực. Móng đơn BTCT. Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối, mái lợp tôn xà gồ thép hình. Tường xây gạch VXM. Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả matit, lăn sơn. Nền lát gạch. Hệ thống cửa đi bằng kính khung nhôm. Dây điện được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện; thoát nước bằng ống nhựa PVC.

3.3.3. Hệ thống PCCC

a. Bể nước ngầm PCCC, trạm bơm

- Bể đặt ngầm, kích thước dài x rộng x cao = (5,5x18,3x3,7)m, kết cấu bể BTCT.

- Trên nắp bể bố trí nhà đặt máy bơm, nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 14,6m². Nhà cao 4,95m (so với cốt sàn), trong đó: Nền cao 0,45m, tầng cao 3,3m, mái cao 1,2m. Nhà có kết cấu khung BTCT chịu lực. Cột, tường, dầm, trần trát VXM, lăn sơn; nền nhà bê tông. Cửa đi bằng thép, cửa sổ kính, khung nhôm. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên. Nước mưa từ mái được thu vào ống nhựa, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung.

- *Chữa cháy ngoài nhà*: Bể trữ nước chữa cháy ngoài nhà kết nối với hệ thống đường ống thép mã kẽm chôn ngầm.

3.3.4. Cổng

- Cổng số 1: Lối vào chính rộng thông thủy 5,9m, lối phụ rộng thông thủy 1,5m; cánh cổng bằng Inox mở xếp, trụ cổng xây gạch có lõi bằng BTCT.

- Cổng số 2: Lối vào chính rộng thông thủy 4,9m, lối phụ rộng thông thủy 1,5m; cánh cổng bằng Inox mở xếp, trụ cổng xây gạch có lõi bằng BTCT.

3.3.5. Hàng rào

- Hàng rào bố trí ở mặt trước (Phía đường QL16) với tổng chiều dài 45,93m,; hàng rào xây gạch kết hợp khung sắt, cao 1,9m, , trụ cổng xây gạch có lõi bằng BTCT, cao là 2,1m. móng trụ bằng móng đơn BTCT, móng tường xây đá hộc, giằng móng BTCT, Trát tường VXM, sơn 3 nước, trụ ốp gạch thẻ.

3.3.6. Cấp điện tổng thể:

- Nguồn điện cấp cho các hạng mục được lấy từ trạm biến áp của bệnh viện. Cấp điện chôn ngầm, luồn trong ống bảo hộ.

3.3.7. Cấp, thoát nước tổng thể:

- Cấp nước: Nước cấp cho các hạng mục từ bể ngầm, bơm lên các tạc nước nằm trên mái công trình;

- Thoát nước:

- + Thoát nước mặt: Mương BTCT B=0,4m, có tổng chiều dài 471,8m, thành mương, đáy mương, tấm đan bằng BTCT. Trên các tuyến mương bố trí các hố ga

thu nước.

+ Thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt (xí, tiểu) được xử lý qua bể tự hoại, nước mặt sinh hoạt (rửa, sàn) thu vào hố ga sau đó cùng dẫn về khu xử lý nước thải để xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải ra khu vực. Đường ống thu gom bằng ống nhựa chôn ngầm.

3.4. Các hạng mục cải tạo

3.4.1. Khu xử lý nước thải:

Hiện trạng: Khu xử lý nước thải hiện trạng đã xuống cấp, không còn sử dụng được.

Nội dung cải tạo: Sử dụng lại nhà điều hành, cải tạo nâng cấp bể xử lý, thay mới hệ thống thiết bị, cụ thể:

- Công nghệ xử lý: Sử dụng công nghệ AAO-MBBR.
- Sơ đồ công nghệ: Nước thải bệnh viện → Bể gom nước thải → Bể điều hòa → Bể xử lý kỵ khí → Bể xử lý hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (Nước sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2025/BTNMT).

Bể xử lý hợp khối kích thước (dài x rộng x cao) = (17,1 x 7,0 x 4,6)m, đặt ngầm. Đáy, thành và nắp bể bằng BTCT.

3.4.2. Sân, đường nội bộ:

Hiện trạng: Sân đường nội bộ đã xuống cấp, thiếu đồng bộ.

Nội dung cải tạo:

Đường nội bộ: Diện tích 2.820m², kết cấu mặt đường cải tạo bằng bê tông, gồm: Lớp bê tông đá dăm dày 20 cm; Bạt ni lông chống thấm; Cát tạo phẳng dày; Đất nền đầm chặt.

Sân nội bộ: Diện tích 192m² mặt sân lát gạch terrazzo.

Bó vỉa bằng bê tông, tổng chiều dài 314m.

3.5. Giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

3.5.1. Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa các công trình, hạng mục công trình trong cùng lô đất; khoảng cách phòng cháy, chữa cháy từ công trình, hạng mục công trình đến công trình tiếp giáp hoặc ranh giới khu đất.

- Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa các công trình, hạng mục công trình trong dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong đảm bảo khoảng cách >6,0m;

- Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy từ công trình, hạng mục công trình đến công trình tiếp giáp hoặc ranh giới khu đất trong dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Quế Phong đảm bảo khoảng cách >3,0m.

3.5.2. Đường, bãi đỗ, vị trí, lối vào để tiếp cận và tổ chức các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

a. Đường cho xe chữa cháy.

- Bên ngoài công trình tiếp giáp và kết nối với đường quốc lộ 16 và các tuyến đường giao thông nội thị:

+ Phía Tây, Tây Bắc: Giáp Quốc lộ 16.

+ Phía Bắc, Đông Bắc: Giáp đường giao thông nội thị.

+ Phía Đông, Đông Nam: Giáp đường giao thông nội thị.

+ Phía Nam: Giáp khu dân cư.

- Bên trong công trình: Sử dụng sân, đường nội bộ làm đường cho xe chữa cháy, bề rộng tối thiểu mặt đường đảm bảo $\geq 3,5\text{m}$, chiều cao thông thủy $\geq 4,5\text{m}$. Nhà hoặc phần nhà nhóm F1.1 có chiều cao PCCC lớn hơn 15 m thì tại mỗi vị trí có lối vào từ trên cao phải bố trí một bãi đỗ xe chữa cháy để tiếp cận trực tiếp đến các tầng cửa của lối vào từ trên cao. Khoảng cách từ vị trí xe chữa cháy tiếp cận được đến bất kỳ điểm nào trên mặt bằng công trình không vượt quá 60m.

b. Bãi đỗ, vị trí, lối vào để tiếp cận và tổ chức các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

- Nhà có yêu cầu bãi đỗ xe chữa cháy: Nhà khám chữa bệnh và làm việc thuộc nhóm F1.1, bố trí 02 bãi đỗ xe chữa cháy, mỗi bãi đỗ xe có kích thước dài*rộng = (20*6)m;

- Công trình có lối vào từ cổng chính rộng thông thủy 5,9m, cổng phụ rộng 4,9m, cao không giới hạn, kết nối với đường quốc lộ 16.

3.6.3. Lối thoát nạn, đường thoát nạn, thang bộ thoát nạn, thang máy chữa cháy, lối ra khẩn cấp, lối ra mái, gian lánh nạn.

- Bố trí phân tán thoát nạn như sau.

+ Nhà khám chữa bệnh và làm việc:

* Từ tầng 1: Ra ngoài trực tiếp, qua hành lang, sảnh của nhà;

* Từ tầng 2, 3, 4, 5, 6: Ra ngoài qua hành lang dẫn trực tiếp đến 03 cầu thang bộ của nhà, đảm bảo phân tán;

* Từ các gian phòng: Các gian phòng nhóm F1.1 có mật độ đông người trên 15 người bố trí 02 lối thoát nạn, đảm bảo phân tán.

+ Các hạng mục còn lại: Ra ngoài trực tiếp, không có gian phòng yêu cầu 02 lối thoát nạn.

- Lối thoát nạn: Nhà khám chữa bệnh và làm việc có chiều cao thông thủy $\geq 1,9\text{m}$; chiều rộng thông thủy $\geq 1,2\text{m}$ từ các gian phòng nhóm F1.1 khi số người thoát nạn lớn hơn 15 người.

- Đường thoát nạn: Nhà khám chữa bệnh và làm việc có chiều cao thông thủy lớn $\geq 2,0\text{m}$; chiều rộng thông thủy $\geq 1,2\text{m}$ đối với hành lang chung dùng để thoát nạn cho hơn 15 người từ các gian phòng nhóm F1.

- Thang bộ thoát nạn: Nhà khám chữa bệnh và làm việc có chiều rộng bản

thang $\geq 1,35\text{m}$ đối với nhà nhóm F1.1; Chiều rộng bản thang $\geq 0,9\text{m}$ trong tất cả các trường hợp còn lại; độ dốc cầu thang $\leq 1:1$; Chiều rộng mặt bậc $\geq 25\text{cm}$, Chiều cao bậc $\leq 22\text{ cm}$ và $\geq 5\text{cm}$.

- Lối ra mái: Nhà khám chữa bệnh và làm việc bố trí 5 lối ra mái.

3.6.4. Bậc chịu lửa phù hợp với quy mô, công năng của công trình; giải pháp phân chia khoang cháy; bố trí mặt bằng, công năng, hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ, các bộ phận, cấu kiện, hệ thống kỹ thuật trong công trình để hạn chế, ngăn chặn sự hình thành, phát triển và lan truyền của đám cháy.

- Bậc chịu lửa của các công trình được thiết kế: Nhà khám chữa bệnh và làm việc, bậc II.

- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

- + Ngăn cháy theo chiều ngang: Ngăn cháy các khoang cháy riêng biệt (các hành lang $> 60\text{m}$, khoang cháy $> 4000\text{m}^2$) bằng các tường ngăn cháy loại 1, cửa chống cháy có GHCL EI60. Các vị trí đường ống kỹ thuật, cáp đi xuyên qua kết cấu tường, sàn, vách được chèn bịt bằng vật liệu không cháy. Vật liệu hoàn thiện sử dụng cho tường và trần của hành lang chung, sảnh chờ có cấp nguy hiểm cháy CV0, CV1; vật liệu hoàn thiện phủ sàn cho hành lang chung, sảnh chờ có cấp nguy hiểm cháy CV1, CV2;

- + Ngăn cháy theo chiều đứng: Các tầng đều được ngăn bằng sàn bê tông cốt thép, tường ngăn cháy, tách biệt với các tầng khác. Các vị trí đường ống kỹ thuật, cáp đi xuyên qua kết cấu tường, sàn, vách được chèn bịt bằng vật liệu không cháy.

- Bố trí mặt bằng công năng: Nhà khám chữa bệnh và làm việc thuộc nhóm F1.1 công năng sử dụng: Điều trị, khám chữa bệnh và làm việc có chiều cao không quá 28 m (hoặc 9 tầng).

- Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ: Hạng D, E.

3.6.5. Giải pháp chống khói gồm: phương án thoát khói cho nhà, gian phòng; hệ thống cung cấp không khí bảo vệ chống khói cho giếng thang máy, buồng thang bộ, khoang đệm.

- Giải pháp chống khói cho nhà, gian phòng Nhà khám chữa bệnh và làm việc là nhóm F1.

- + Giải pháp chống khói cho hành lang: Từ các hành lang có chiều dài lớn hơn 15m mà không có thông gió tự nhiên khi có cháy của các nhà từ 2 tầng trở lên.

- + Giải pháp chống khói cho gian phòng: Bố trí quạt hút xả khói từ mỗi gian phòng liên thông với buồng thang bộ không nhiễm khói, hoặc từ mỗi gian phòng không có thông gió tự nhiên khi có cháy, có diện tích từ 50m^2 trở lên, thường xuyên hoặc nhất thời tập trung đông người (số lượng hơn 1 người trên 1 m^2 sàn, không tính diện tích chiếm chỗ của các thiết bị, vật dụng).

- Hệ thống tăng áp Nhà khám chữa bệnh và làm việc là nhóm F1: Phần dưới của các gian phòng và hành lang được bảo vệ bằng hệ thống hút xả khói, nhằm bù lại khối tích khói đã bị hút ra ngoài.

3.7. Trang thiết bị

Gồm: Thang máy; Máy phát điện; Thiết bị PCCC; Điều hoà; Thiết bị trạm biến áp; Thiết bị hệ thống xử lý nước thải; Thiết bị hệ thống cấp khí y tế, điện nhẹ,...;

4. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn một nhà thầu tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu với chất lượng đảm bảo theo đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, tiến độ hoàn thành đúng thời hạn.

II. Phạm vi công việc:

- Khảo sát hiện trạng công trình, đánh giá hiện trạng công trình làm cơ sở cho việc thiết kế cải tạo.

- Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng đáp ứng các quy định của Luật xây dựng và các văn bản có liên quan;

- Nội dung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình phải tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các văn bản hiện hành khác liên quan, các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và theo nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt.

1. Nhiệm vụ của Nhà thầu tư vấn.

* Thiết kế phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:

- Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế.

- Nội dung thiết kế phải đáp ứng yêu cầu của bước thiết kế bản vẽ thi công.

- Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác.

- Có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong công trình và với các công trình liên quan; bảo đảm điều kiện về tiện nghi, vệ sinh, sức khỏe cho người sử dụng; tạo điều kiện cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em sử dụng công trình. Khai thác lợi thế và hạn chế tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu thân thiện với môi trường.

- Phối hợp với Chủ đầu tư để làm việc với các cơ quan chức năng, cơ quan chuyên ngành có liên quan cho đến khi ra được thông số, kết quả thẩm tra, thẩm định để làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện và phê duyệt thiết kế, dự toán theo quy định.

2. Nội dung của hồ sơ thiết kế

2.1. Yêu cầu chung về Quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng

2.1.1. Hồ sơ thiết kế xây dựng được lập cho từng công trình bao gồm thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế và các tài liệu có liên quan theo từng bước thiết kế.

2.1.2. Bản vẽ thiết kế xây dựng phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế. Đối với trường hợp nhà thầu thiết kế xây dựng là tổ chức, bản vẽ phải được ký và đóng dấu của tổ chức theo quy định.

2.1.3. Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được đóng thành tập hồ sơ, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

2.1.4. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.

2.2. Nội dung thiết kế bản vẽ thi công

2.2.1. Thiết kế bản vẽ thi công phải đáp ứng các nội dung theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng; thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng, chi tiết cấu tạo, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; phù hợp với thiết kế cơ sở được phê duyệt trong trường hợp thiết kế hai bước, thiết kế kỹ thuật được phê duyệt trong trường hợp thiết kế ba bước. Thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và các bản vẽ. Trường hợp thiết kế hai bước, nội dung thiết kế bản vẽ thi công cần bổ sung thêm chỉ dẫn kỹ thuật và hướng dẫn bảo trì.

2.2.2. Nội dung thuyết minh tính toán kết cấu công trình và nền (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

2.2.3. Thuyết minh và bản vẽ thiết kế thi công đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ khi có yêu cầu theo quy định tại quy chuẩn và quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2.2.4. Bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công phải thể hiện đầy đủ các giải pháp, kích thước chi tiết, thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo đảm bảo đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình.

2.3. Chỉ dẫn kỹ thuật

2.3.1. Chỉ dẫn kỹ thuật là tài liệu không tách rời của hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt là một thành phần của

hồ sơ mời thầu thi công xây dựng, làm cơ sở để thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

2.3.2. Chỉ dẫn kỹ thuật phải phù hợp với yêu cầu của thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chuẩn được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án.

2.3.3. Chỉ dẫn kỹ thuật phải lập riêng.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

Ngay sau khi hợp đồng ký kết có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao đầy đủ tài liệu cần thiết cho Nhà thầu (có thể bàn giao theo từng giai đoạn) chuyên gia thiết kế có thể bắt đầu thực hiện công việc.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhà thầu tư vấn phải báo cáo quá trình thực hiện công việc bao gồm: khối lượng, tiến độ, chất lượng của công việc đã thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhà thầu phải bố trí tối thiểu nhân sự đáp ứng theo yêu cầu tại chương III E-HSMT. Nhà thầu phải huy động tất cả các chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT;

- Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế;

- Trường hợp bất khả kháng, nếu có thay đổi về nhân sự sẽ phải báo cáo và chấp thuận Chủ đầu tư; Nhân sự thay thế đảm bảo phải có năng lực và kinh nghiệm tương đương với Nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT .

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Trong thời gian có hiệu lực của dịch vụ tư vấn đã thảo luận, Chủ đầu tư cho phép các nhân viên tư vấn, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án khi nhà tư vấn yêu cầu để thực hiện dịch vụ tư vấn.

- Sắp xếp cán bộ để cùng làm việc với nhà thầu tư vấn trong các công việc có liên quan cần thiết phải có sự phối hợp giữa 2 bên.

- Về tất cả các vấn đề nhà thầu tư vấn thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản, chủ đầu tư có văn bản trả lời trong khoảng thời gian thích đáng để không làm chậm trễ dịch vụ.

- Cung cấp cho nhà thầu tư vấn tài liệu khảo sát, hồ sơ thiết kế cơ sở và các tài liệu khác có liên quan.

- Có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án khi Nhà tư vấn yêu cầu để thực hiện các dịch vụ tư vấn.